

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 253/2024/DS-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan;

Bà Lý Thị Mỹ Diệu.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Quốc Việt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 352/2024/TLST-DS, ngày 22 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S1; địa chỉ: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số G N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật (Tổng Giám đốc);

2. Anh Huỳnh Hùng S, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ A, Khu phố C, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 099/2024/GUQ-PGD TC, ngày 21-8-2024) có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Huỳnh Hùng S trình bày:

Ngân hàng TMCP S1 – Chi nhánh tỉnh T - PGD huyện T (gọi tắt là Ngân hàng S2) có hỗ trợ cho chị Nguyễn Thị Bích T vay vốn theo hợp đồng cho vay số 202226689370, ngày 23-6-2022, thời hạn nhận tiền đến ngày 23-6-2025. Chị Nguyễn Thị Bích T đã nhận số tiền 600.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số 01, ngày 20-6-2023, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để sản xuất nông nghiệp.

- Lãi suất: 13%/năm, lãi suất được áp dụng cho 03 tháng đầu tiên, kể từ tháng thứ 4, lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở tương ứng theo kỳ hạn vay được S2 niêm yết tại www.S2.com.vn thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,4%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần.

+ Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

+ Lãi chậm trả: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

+ Phương thức trả lãi nợ vay: Theo định kỳ hàng tháng vào ngày 20.

- Thời hạn trả nợ gốc: Ngày 20-6-2024.

Khi vay chị T có thế chấp tài sản gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 459,3 m², tờ bản đồ số 15, thửa đất số 227, mục đích sử dụng đất là đất trồng cây hàng năm khác, thời hạn sử dụng 01-7-2064, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 120994, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 03904 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 02-12-2019 cho chị Nguyễn Thị Bích T đứng tên đăng ký, sử dụng. Địa chỉ vị trí đất thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, trên đất có căn nhà cấp 4, theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 202206211967789, ngày 23-6-2022. Việc thế chấp được công chứng chứng thực và đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, ngày 05-9-2023 chị Nguyễn Thị Bích T đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh T - P. Căn cứ thu nhập của chị T là sản xuất nông nghiệp nên Ngân hàng đồng ý cấp hạn mức tín dụng dưới dạng thẻ tín dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể:

- Loại thẻ: Easy Card,
- Số thẻ: 472074-1816,
- Số tài khoản thẻ: 970403-5106,
- Hạn mức sử dụng: 50.000.000 đồng,
- Ngày chốt thông báo giao dịch: Ngày 15 hàng tháng,
- Lãi suất lúc phát hành thẻ: 26,6%/năm.

Trong thời hạn vay, chị T đã trả tiền lãi đến ngày 20-5-2024 thì ngưng không tiếp tục trả lãi theo định kỳ như đã thỏa thuận, Ngân hàng nhiều lần làm việc và có

văn bản yêu cầu chị T thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng cho vay nhưng vẫn không thực hiện nên Ngân hàng chuyển nợ quá hạn.

Do chị T vi phạm nghĩa vụ tại Hợp đồng cho vay và hợp đồng cấp thẻ nên Ngân hàng S2 yêu cầu chị Nguyễn Thị Bích T trả số tiền nợ gốc theo hợp đồng cho vay 600.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn 11.127.385 đồng, tiền lãi quá hạn, phạt quá hạn đến ngày 27-9-2024 là 27.444.441 đồng và tiền nợ gốc, lãi thẻ tín dụng đến ngày 27-9-2024 là 54.352.365 đồng. Tổng cộng 692.924.191 đồng và phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng cho vay, hợp đồng cấp thẻ đã ký cho đến khi trả xong nợ gốc. Trường hợp chị T không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền bán tài sản thế chấp để trả cho Ngân hàng theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị Bích T nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến nên coi như chị T từ bỏ quyền lợi của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị Bích T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt chị T là phù hợp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 147, 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 đối với chị Nguyễn Thị Bích T về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc chị Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 số tiền nợ gốc theo hợp đồng cho vay là 600.000.000 đồng, lãi theo hợp đồng và tiền nợ gốc thẻ tín dụng là 50.000.000 đồng, lãi theo hợp đồng, phí theo quy định.

+ Xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Huỳnh Hùng S là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; chị Nguyễn Thị Bích T là bị đơn trong

vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh S, chị T.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, khi nộp đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 cung cấp chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Giấy đề nghị hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Bản kê tính lãi, ngày 17-7-2024; 01 Giấy ủy quyền số 072/2024/UQ-PGD HT, ngày 17-7-2024; 01 Giấy ủy quyền số 099/2024/UQ-PGD HT, ngày 21-8-2024; 01 giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh; 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần; 01 Quyết định số 5387/2021/QĐ-NS, ngày 28-12-2021 về điều động và bổ nhiệm nhân sự; 01 Quyết định số 3525/2023/QĐ-PC, ngày 25-12-2023 về ủy quyền ký hợp đồng; 01 Hợp đồng thế chấp; 01 Hợp đồng cho vay; 01 Giấy nhận nợ; tất cả các văn bản trên đều phô tô có sao y. Các chứng cứ nêu trên đã được Tòa án công khai và thông báo cho chị T biết nhưng chị T không có ý kiến nên căn cứ Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là chứng cứ hợp pháp dùng để giải quyết vụ án.

[2.1] Xét Hợp đồng cho vay số: 202226689370, ngày 23-6-2022, thời hạn nhận tiền đến ngày 23-6-2025 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, ngày 05-9-2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 – Chi nhánh tỉnh T – P với chị Nguyễn Thị Bích T đã ký kết có quy định về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, phạt vi phạm hợp đồng và những cam kết khác được các bên thỏa thuận. Khi ký kết hợp đồng, hai bên hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng nên căn cứ vào Điều 398, Điều 401 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận hợp đồng cho vay và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng với chị T là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số tiền cho vay theo hợp đồng cho vay nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo Hợp đồng cho vay số 202226689370, ngày 23-6-2022 thì thời hạn nhận tiền đến ngày 23-6-2025 và ngày 20-6-2023 chị T đã nhận số tiền 600.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số 01, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để sản xuất nông nghiệp, thời hạn trả nợ gốc vào ngày 20-6-2024 và hình thức trả lãi nợ vay định kỳ hàng tháng vào ngày 20 tây. Tuy nhiên ngày 20-5-2024 chị T không tiếp tục trả tiền lãi, Ngân hàng nhiều lần liên hệ với chị T trả tiền lãi theo thỏa thuận nhưng chị T vẫn không thực hiện. Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, chị T chỉ thanh toán tiền đến ngày 15-4-2024, sau đó không tiếp tục thanh toán và đến ngày 27-9-2024, còn dư nợ quá hạn số tiền 51.880.553 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn 2.471.812 đồng. Do đó có đủ cơ sở khẳng định chị T đã vi phạm các điều, khoản về nghĩa vụ thanh toán trong các hợp đồng trên và Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Thanh thanh T1 tiền nợ gốc và tiền lãi suất trong hạn, lãi quá hạn đến ngày 27-9-2024 của các hợp đồng đã ký, tổng cộng 692.924.191 đồng theo hợp đồng cho vay đã ký kết ngày 23-6-2022 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, ngày 05-9-2023 là có căn cứ, phù hợp với các Điều 463,

466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[3] Xét Hợp đồng thế chấp tài sản số B, ngày 23-6-2022, các bên đã ký kết thì thấy rằng: Để đảm bảo cho số tiền vay gốc, tổng cộng 650.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Bích T có thể chấp sử dụng đất diện tích 459,3 m², tờ bản đồ số 15, thửa đất số 227, mục đích sử dụng đất là đất trồng cây hàng năm khác, thời hạn sử dụng 01-7-2064, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 120994, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 03904 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 02-12-2019 cho chị Nguyễn Thị Bích T đứng tên đăng ký, sử dụng, trên đất có căn nhà cấp 4. Xét thấy, khi thế chấp tài sản giữa Ngân hàng với chị T có lập văn bản thế chấp được công chứng và đăng ký đúng theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật Dân sự và Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm, được sửa đổi bổ sung theo Nghị định 11/2012/NĐ-CP. Do đó Hợp đồng thế chấp tài sản số 202206211967789, ngày 23-6-2022 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 - Chi nhánh huyện T với chị Nguyễn Thị Bích T vẫn có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 đối với chị Nguyễn Thị Bích T về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc chị Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 số tiền vay gốc 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu) đồng; tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt là 38.571.826 đồng và tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng cấp thế tín dụng đến ngày 27-9-2024 là 54.352.365 đồng. Tổng cộng 692.924.191 đồng và tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

[6.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền mà yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6.2] Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 1.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ghi nhận Ngân hàng đã nộp xong nên chị T có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 đối với chị Nguyễn Thị Bích T về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc chị Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 số tiền vay và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phí, tổng cộng 692.924.191 (sáu trăm chín mươi hai triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm chín mươi một) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (27-9-2024), chị Nguyễn Thị Bích T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền phải thi hành án. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng (chị T) vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 202206211967789, ngày 23-6-2022 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 - Chi nhánh tỉnh T - P với chị Nguyễn Thị Bích T vẫn có hiệu lực pháp luật. Trường hợp chị T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 459,3 m², tờ bản đồ số 15, thửa đất số 227, mục đích sử dụng đất là đất trồng cây hàng năm khác, thời hạn sử dụng 01-7-2064, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 120994, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 03904 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 02-12-2019 cho chị Nguyễn Thị Bích T đứng tên đăng ký, sử dụng và căn nhà cấp 4 trên đất để thu hồi nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 31.717.000 (ba mươi một triệu, bảy trăm mười bảy nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 15.381.000 (mười lăm triệu, ba trăm tám mươi một nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0006485 ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc chị Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 1.500.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1, chị Nguyễn Thị Bích T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải

quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Quốc